

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **205/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25 - 05 - 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tân Phước;
2. Bà Lê Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị G, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ Y, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bà G và ông H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Trương Thị G và ông Nguyễn Văn H là do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 23 tháng 05 năm

2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và hai người ly thân.

Theo bà G, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do ông H có quan hệ với người phụ nữ Kc, từ đó vợ chồng thường cãi vã, không tìm được tiếng nói chung; mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G có yêu cầu xin được ly hôn với ông H và có nguyện vọng được nuôi con chung sau ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

Theo ông H, ông H thống nhất với bà G về mối quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên ông không thống nhất việc bà G cho rằng ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Việc mâu thuẫn gia đình là do bà G thường dùng lễ không hay nên xảy ra cự cãi, bà G không cho ông về nhà, từ đó ông về bên gia đình sống và ly thân với bà G từ năm 2020. Do còn thương vợ, con nên ông H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà G và ông H có 02 (một) con chung, 1/ Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 15/01/2002; 2/ Nguyễn Văn K, sinh ngày 17/10/2007. Hiện nay cháu T đã trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu xem xét; Cháu K hiện đang học lớp 5 và đang sống cùng bà G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn K. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/04/2022 thì cháu K có nguyện vọng sống với bà G.

Tại phiên tòa,

Bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông H; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Ông H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Nếu bà G cương quyết ly hôn thì yêu cầu trả lại tiền mượn của mẹ ông và giải quyết phân chia căn nhà. Về con chung thì ông H không có ý kiến, tùy theo nguyện vọng của con.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo trình bày của bà G và ông H; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà G và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của bà G, giao cháu K cho bà G trực tiếp nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của bà G về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đề nghị không xem xét giải quyết nợ chung, tài sản chung theo yêu cầu của ông H tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị G khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà G và ông H; trình bày của cháu Nguyễn Thị Diễm T tại phiên tòa, thì xác định được nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà G và ông H là do bất đồng quan điểm sống, ông H thiếu sự quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình; giữa 2 người thường hay cự cãi. Bà G và ông H đã ly thân từ năm 2020. Trong thời gian ly thân, ông H có chủ động hàn gắn nhưng bà G từ chối. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa thì bà G cương quyết xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà G và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị G là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thị Diễm T đã trưởng thành, sống tự lập nên không xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Văn K có nguyện vọng sống với bà G, bà G cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho bà G trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn sẽ ổn định tâm lý, học tập và sự phát triển bình thường của cháu.

Công nhận sự tự nguyện của bà G về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện thì bà G không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; trong quá trình hòa giải, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ thì ông H cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tại phiên tòa ông H yêu cầu bà G trả nợ cho mẹ ông và yêu cầu chia căn nhà. Tuy nhiên ông H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ về nợ; giá trị tài sản, nên không được xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu ông H có căn cứ có nợ chung, tài sản chung thì khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Trương Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng Kc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị G,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007 cho ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thị G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Trương Thị G được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 17/10/2007. Cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 15/01/2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn H và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Trương Thị G. Ngược lại, bà G và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông H.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trương Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006830 ngày 01/03/2022. (Bà G đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Trương Thị G, ông Nguyễn Văn H. Thời hạn kháng cáo của bà G và ông H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/05/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Vĩnh Hội Đông (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

